

# CTCP Tập đoàn FPT (FPT)

## Động lực tăng trưởng đến từ các thị trường chính

15/03/2026

Chuyên viên phân tích Nguyễn Việt Anh  
[anhnv3@kbsec.com.vn](mailto:anhnv3@kbsec.com.vn)  
(+84) 24-7303-5333

**Doanh thu và lợi nhuận trước thuế 2025 tăng trưởng tích cực 12%/16% YoY, hoàn thành lần lượt 93%/91% kế hoạch cả năm**

Doanh thu 4Q2025 của FPT đạt 20,259 tỷ VND (+15% YoY/17% QoQ), biên lợi nhuận gộp tương ứng đạt khoảng 35%. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 4Q2025 ghi nhận 2,988 tỷ VND (20% YoY/3% QoQ). Cho cả năm 2025, FPT đã hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu cả năm (70,208/75,400 tỷ VND) và 91% kế hoạch lợi nhuận trước thuế (12,239/13,394 tỷ VND).

**Mảng CNTT nước ngoài: Tăng trưởng hợp đồng ký mới cho thấy dấu hiệu phục hồi**

Điểm sáng của FPT trong quý đến từ giá trị hợp đồng ký mới hồi phục mạnh mẽ, đạt 11,273 tỷ VND (+33% YoY), lũy kế giá trị ký mới đạt 40,636 tỷ VND (+21% YoY). Điều này giúp doanh thu cả 2025 tại nước ngoài đạt 35,381 tỷ VND (+14% YoY).

**Mảng viễn thông: Các lĩnh vực kinh doanh cải thiện**

Việc tăng giá cước dịch vụ mạng sẽ củng cố vai trò trụ cột tăng trưởng của mảng broadband trong doanh thu viễn thông; trong khi việc FPT Telecom chính thức sở hữu bản quyền Giải ngoại hạng Anh (EPL) từ đầu năm 2026 và Trung tâm dữ liệu Q9 đi vào hoạt động sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào tăng trưởng doanh thu mảng viễn thông của FPT, ước đạt doanh thu 21,530/23,567 tỷ VND trong 2026/2027 (+10.3%/9.5% YoY).

**Mảng giáo dục: Chiến lược cắt giảm học phí để thu hút người học khiến doanh thu đi ngang**

Dự phóng doanh thu mảng giáo dục và đầu tư của FPT trong 2026/2027 đạt 6,016/6,127 tỷ VND (-1.9%/+1.9% YoY) do chiến lược chủ động giảm học phí tại các cơ sở mới để thu hút người học.

**Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 109,200 VND/cổ phiếu**

Dựa trên định giá FCFF và P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT. Giá mục tiêu là 109,200 VND/cổ phiếu.

## MUA duy trì

<b>Giá mục tiêu</b>	<b>VND 109,200</b>
Tăng/giảm (%)	42%
Giá hiện tại (13/03/2026)	VND 77,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 111,600
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	137.2/4.9

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	89.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	675.9/26
Sở hữu nước ngoài (%)	38.9%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (6.99%)

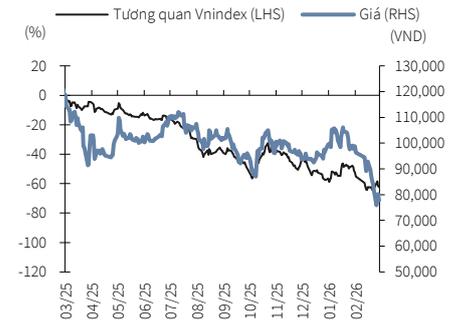
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-25.9	-20.3	-25.4	-34.8
Tương đối	-19.4	-18.2	-26.3	-62.0

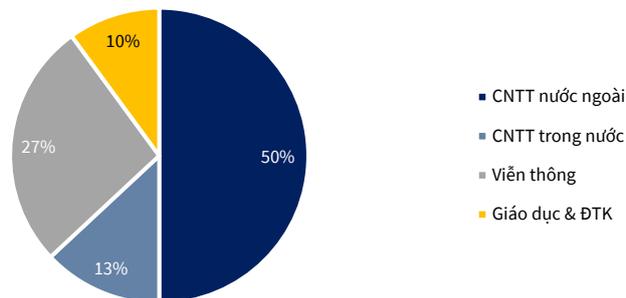
### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2024	2025	2026F	2027F
Doanh số thuần (tỷ VND)	62,849	70,113	79,038	90,262
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	9,420	11,226	12,950	14,695
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	7,849	9,369	10,813	12,270
EPS (VND)	5,335	5,500	6,348	7,203
Tăng trưởng EPS (%)	5.0	3.0	15.0	13.0
P/E (x)	20.5	19.9	17.2	15.2
P/B (x)	4.5	4.3	3.6	3.1
ROE (%)	26.3	25.7	25.2	24.2
Tỷ suất cổ tức (%)	3.1	3.1	3.1	3.1

Nguồn: Fiinpro, KBSV



## Cơ cấu doanh thu 2025



## Hoạt động kinh doanh

FPT là tập đoàn đa ngành tập trung vào lĩnh vực công nghệ thông tin, với 4 mảng chính: dịch vụ phần mềm, cung cấp hạ tầng viễn thông, giáo dục đào tạo. Chiếm 46% tổng doanh thu của tập đoàn, mảng công nghệ thông tin đang phục vụ các thị trường lớn gồm: Nhật Bản, EU, Mỹ và Đông Nam Á. Hiện đội ngũ kỹ sư công nghệ FPT sở hữu với gần 24,000 người.

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

## Điểm nhấn đầu tư

Chi tiêu công nghệ hồi phục sau bất ổn thương mại toàn cầu và xu hướng tích hợp AI giúp doanh thu mảng CNTT nước ngoài của FPT đạt lần lượt 41,287/49,116 tỷ VND (+17%/19% YoY).

Hệ sinh thái mảng viễn thông đóng góp doanh thu ổn định với doanh thu Broadband duy trì ổn định trong khi Data Center và PayTV là động lực tăng trưởng dài hạn.

Đa dạng hóa chương trình đào tạo cần thời gian để chứng minh hiệu quả, trong khi tác động ngắn hạn là chưa đáng kể tới doanh thu, ước đạt 6,893/7,004 tỷ VND (-1.6%/+1.6% YoY) trong 2026/2027.

## Chú thích

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

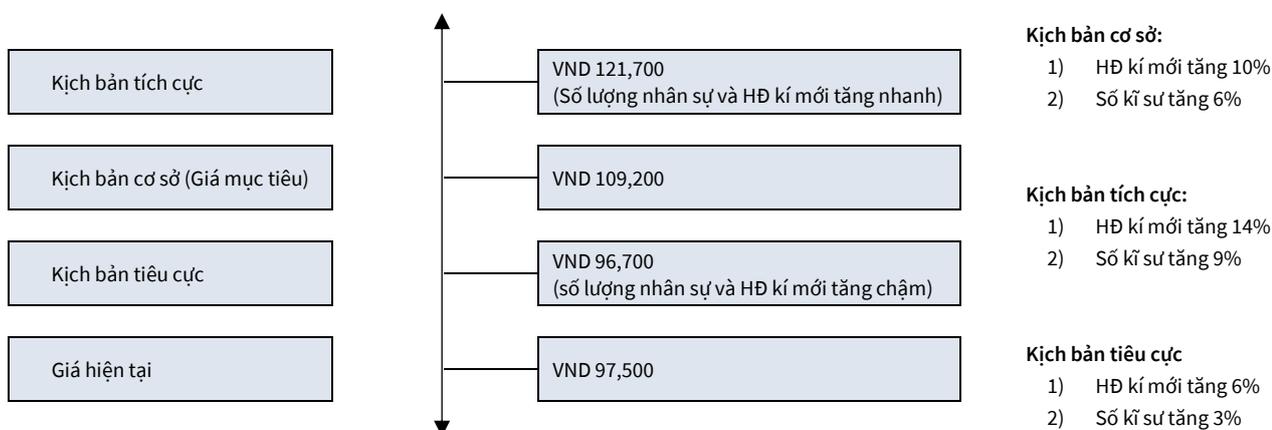
## Dự phóng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Dự phóng của KBSV		Thay đổi với kỳ trước		Dự phóng đồng thuận*		Chênh lệch	
	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E
Doanh thu	79,038	90,262	0%	3%	80,377	91,540	-2%	-1%
EBIT	11,987	13,710	-9%	-5%	15,398	16,843	-22%	-19%
LNST công ty mẹ	10,813	12,270	-1%	-1%	10,758	12,482	1%	-2%

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính

\*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các CTCK được Bloomberg tổng hợp và tính toán

## Quan điểm định giá



## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**Doanh thu và lợi nhuận trước thuế 2025 tăng trưởng tích cực 12%/16% YoY, hoàn thành lần lượt 93%/91% kế hoạch cả năm**

Doanh thu 4Q2025 của FPT đạt 20,259 tỷ VND (+15% YoY/17% QoQ), biên lợi nhuận gộp tương ứng đạt khoảng 35%. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 4Q2025 ghi nhận 2,988 tỷ VND (20% YoY/3% QoQ). Cho cả năm 2025, FPT đã hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu cả năm (70,208/75,400 tỷ VND) và 91% kế hoạch lợi nhuận trước thuế (12,239/13,394 tỷ VND).

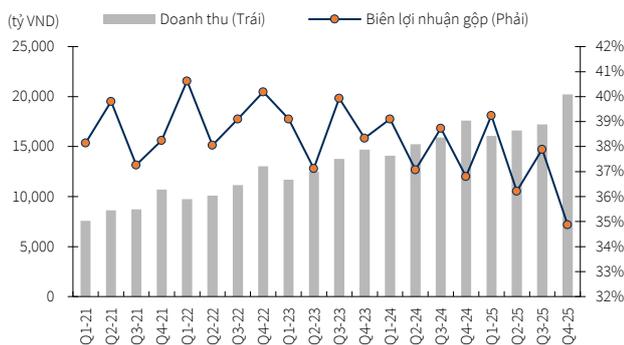
Mảng dịch vụ CNTT tại thị trường nước ngoài hồi phục ấn tượng đặc biệt trong Q4/2025 sau khi giá trị hợp đồng ký mới hồi phục, giúp doanh thu đạt 9,808 tỷ VND (+18% YoY). Lũy kế cả năm, doanh thu đến từ thị trường nước ngoài đạt 35,381 tỷ VND (+14% YoY), đánh dấu mức tăng trưởng ấn tượng được hỗ trợ bởi giá trị hợp đồng ký mới hồi phục mạnh trong Q4/2025.

**Bảng 1. Cập nhật Kết quả kinh doanh Q4/2025**

(tỷ VND)	Q4/2024	Q4/2025	+/-%YoY	2024	2025	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	17,651	20,259	15%	62,962	70,208	12%	
CNTT Nước ngoài	8,284	9,808	18%	30,952	35,381	14%	
Nhật Bản	3,408	4,188	23%	12,325	15,452	25%	Đóng góp bởi i) Mức tăng trưởng 25.4% của doanh thu theo đồng Yên và ii) Mức tăng 2.8% của JPY/VND.
US	2,088	2,076	-1%	7,751	8,163	5%	
EU	702	1,065	52%	2,636	3,593	36%	
APAC	2,086	2,479	19%	8,240	8,173	-1%	
CNTT Trong nước	2,861	3,717	30%	8,157	9,093	11%	
Viễn thông	4,810	5,220	9%	17,610	19,507	11%	Ước tính tăng trưởng 2025 các mảng broadband, data center, quảng cáo và PayTV lần lượt đạt 10%/1%/15%/15% YoY.
Giáo dục	1,933	1,814	-6%	7,088	7,009	-1%	Ước tính số học sinh tuyển mới đi ngang so với năm ngoài, khiến cho doanh thu giáo dục đi ngang.
Đầu tư khác	-281	-333	19%	-959	-877	-9%	
Lợi nhuận gộp	6,479	7,054	9%	23,799	25,895	9%	
Biên lợi nhuận gộp	36.7%	34.8%	-2 ppts	37.8%	36.9%	-1 ppts	
Thu nhập tài chính	576	554	-4%	1,929	2,977	54%	Chủ yếu nhờ tăng gần 400 tỷ VND lãi chênh lệch tỷ giá và hơn 100 tỷ VND cổ tức từ công ty liên kết.
Chi phí tài chính	831	477	-43%	1,811	1,672	-8%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	118	284	141%	395	659	67%	Chủ yếu nhờ mức tăng trưởng 150% YoY LNST công ty mẹ của FRT trong 2025.
SG&A	3,420	3,938	15%	13,285	14,912	12%	
Lãi/ lỗ từ hoạt động kinh doanh	3,059	3,117	2%	10,514	10,984	4%	
Thu nhập khác	-3	-19	533%	-103	-50	-51%	
Lợi nhuận trước thuế	2,801	3,175	13%	10,529	12,239	16%	
Lợi nhuận sau thuế	2,494	2,988	20%	9,421	11,226	19%	
LNST công ty mẹ	2,087	2,503	20%	7,849	9,369	19%	
Biên LNST	14%	15%	1 ppts	15%	16%	1 ppts	

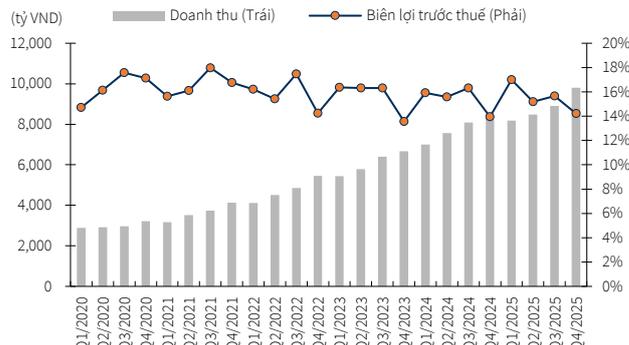
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**Biểu đồ 2. Kết quả kinh doanh FPT, 2021-2025**



Nguồn: FPT, KBSV

**Biểu đồ 3. Kết quả kinh doanh nước ngoài, 2020-2025**



Nguồn: FPT, KBSV

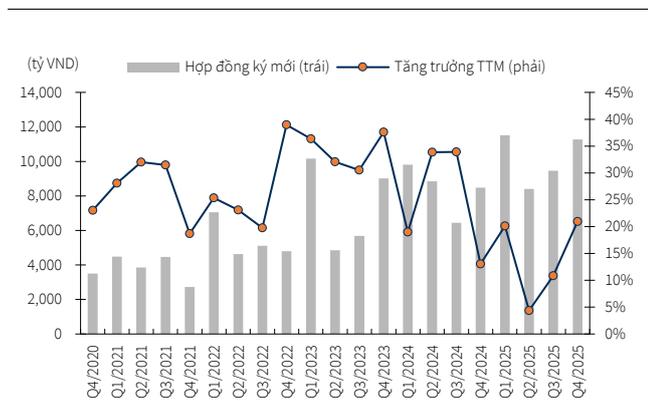
**Màng CNTT nước ngoài: Môi trường cạnh tranh gia tăng nhưng doanh thu đến từ các thị trường trọng điểm tiếp tục tăng trưởng**

Trong bối cảnh cuộc đua phát triển phần mềm AI diễn ra khốc liệt trên toàn cầu không chỉ gắn liền với mục tiêu gia tăng năng suất của doanh nghiệp mà còn là việc bảo vệ an toàn dữ liệu quốc gia, FPT đang đứng trước cơ hội cũng như thách thức trong việc duy trì tăng trưởng hoạt động kinh doanh. KBSV cho rằng tăng trưởng doanh thu tại Hoa Kỳ và APAC sẽ chứng kiến tốc độ suy giảm do: i) Cạnh tranh gia tăng với các đối thủ truyền thống đến từ Ấn Độ và đối thủ mới của các quốc gia khác có quy mô đội ngũ ít hơn nhưng có khả năng đảm nhận nhiều công việc hơn nhờ việc ứng dụng AI trong việc tăng năng suất, ii) Sự chuyển dịch từ nhân sự con người sang AI trong việc phát triển hệ thống khiến khối lượng công việc giảm và iii) Căng thẳng thương mại toàn cầu dù hạ nhiệt nhưng đối mặt nhiều bất định khiến quyết định chi tiêu IT của doanh nghiệp thương mại bị trì hoãn. Dù vậy, tăng trưởng doanh thu sẽ tiếp tục được bù đắp bởi các thị trường tiềm năng là Nhật Bản và EU khi FPT đang thích ứng nhanh chóng với nhu cầu khách hàng tại các thị trường này và nâng cao chất lượng dịch vụ. KBSV cập nhật đánh giá triển vọng của lĩnh vực dịch vụ công nghệ thông tin tại một số thị trường tiềm năng:

- **Thị trường Nhật Bản:** Theo báo cáo mới nhất của IDC, thị trường công nghệ thông tin Nhật Bản được dự báo sẽ đạt 187 tỷ USD (+2.3% YoY) vào năm 2026, với tốc độ tăng trưởng có sự phân hóa rõ nét giữa các lĩnh vực chi tiêu. Dù tăng trưởng chứng kiến sự chậm lại của nhóm thị trường PC và điện thoại thông minh do nhu cầu thay thế sau khi Windows 10 kết thúc hỗ trợ đã hạ nhiệt, cùng với chi phí sinh hoạt tăng cao khiến người dùng cá nhân kéo dài chu kỳ nâng cấp, nhóm ngành dịch vụ hạ tầng đám mây (IaaS), phần mềm doanh nghiệp và dịch vụ CNTT sẽ dẫn dắt tăng trưởng chi tiêu nhờ các doanh nghiệp lớn và vừa đẩy mạnh đầu tư vào sáng kiến chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, cũng như các dự án hiện đại hóa hạ tầng như di chuyển lên đám mây và đổi mới hệ thống. Theo đó, KBSV dự báo tăng trưởng doanh thu trong 2026/2027 tại Nhật Bản đạt 19,464/25,461 tỷ VND (+26%/31% YoY).
- **Thị trường EU:** Theo báo cáo mới nhất của Gartner, chi tiêu cho lĩnh vực công nghệ thông tin tại thị trường Châu Âu được dự báo sẽ đạt 1.4 nghìn tỷ USD trong năm 2026, với tốc độ tăng trưởng 11.1% được dẫn dắt bởi ba động lực chính liên quan đến AI: nhu cầu chi cho các mô

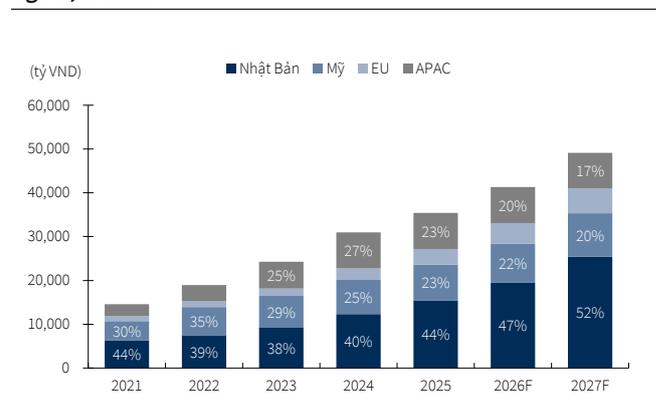
hình GenAI dự kiến tăng 78%, đầu tư vào dịch vụ đám mây công cộng tăng 24%, và chi tiêu cho máy chủ tối ưu hóa AI đạt 46.8 tỷ USD. Đáng chú ý, trước lo ngại an ninh quốc gia bị đặt vào rủi ro khi phụ thuộc vào các nền tảng nước ngoài, định hướng phát triển nền tảng AI riêng của chính phủ các nước thông qua các sáng kiến thúc đẩy hợp tác giữa các nhà cung cấp cloud lớn với công ty địa phương để đáp ứng yêu cầu pháp lý và hỗ trợ lợi ích quốc gia sẽ tạo ra nhu cầu chi tiêu rất lớn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, với dự báo đến năm 2027, 35% các quốc gia sẽ bị "khóa" vào các nền tảng AI dành riêng cho khu vực. Đối với FPT, cách tiếp cận tích hợp AI vào các giải pháp công nghệ lõi thay vì chỉ cung cấp outsourcing truyền thống là chìa khóa giúp doanh nghiệp nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị và gia tăng lợi ích trong việc cung cấp dịch vụ tại thị trường EU, nhờ đó doanh thu đóng góp tại đây được KBSV ước đạt khoảng 15%.

**Biểu đồ 4. Tăng trưởng hợp đồng ký mới theo giá trị, 2020-2025**



Nguồn: FPT, KBSV

**Biểu đồ 5. Ước tính doanh thu đóng góp từ các thị trường nước ngoài, 2021-2026F**

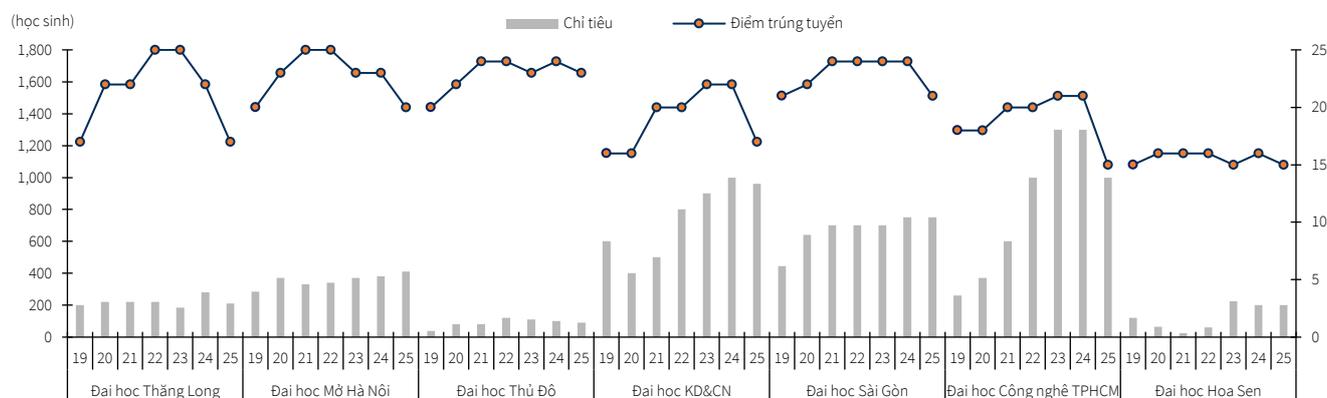


Nguồn: FPT, KBSV

**Màng Giáo dục: Áp lực tăng chi tiêu tuyển sinh trong ngắn hạn khiến học phí trung bình giảm**

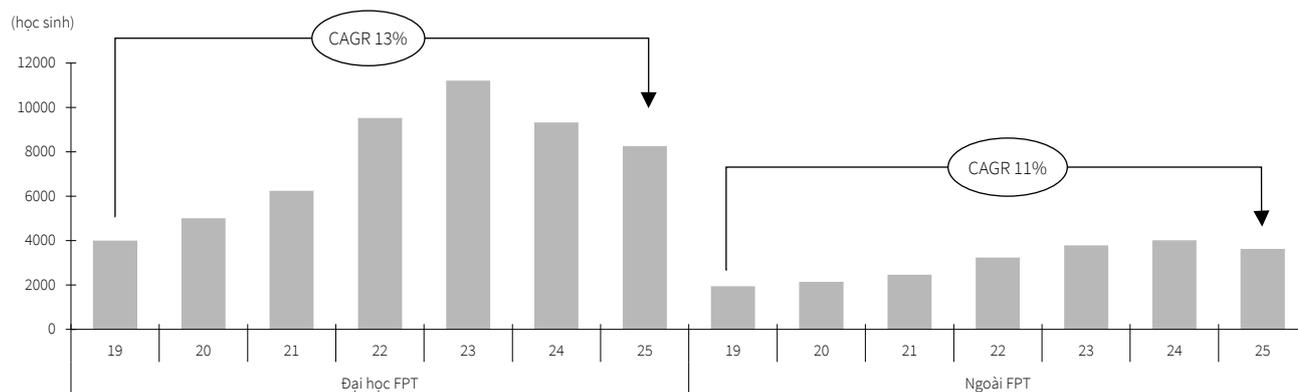
Trong năm 2026, chỉ tiêu tuyển sinh đại học FPT được duy trì ở mức 13,677 sinh viên, tương đương chỉ tiêu năm 2025, với định hướng nâng cao năng lực đào tạo của các ngành truyền thống như Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ và Luật song song gia tăng sức hút ở các ngành mới liên quan đến AI và bán dẫn như Thiết kế vi mạch bán dẫn, Công nghệ ô tô số, Fintech và Chuyển đổi số, giúp sinh viên được học tập gắn liền thực tiễn qua các dự án giải quyết bài toán cuộc sống và tham gia kỳ thực tập On the Job Training tại các doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế. Trong năm nay, tại các cơ sở mới đưa vào hoạt động gồm Đà Nẵng, Quy Nhơn và Cần Thơ, các chương trình khuyến khích cho sinh viên nhập học gồm ưu đãi 30% học phí toàn khóa tại Cần Thơ và Đà Nẵng, 50% học phí toàn khóa tại Quy Nhơn, cùng các chính sách hỗ trợ học tập như thưởng nghiên cứu khoa học lên đến 100 triệu đồng/bài, hỗ trợ 30 triệu đồng/năm tham dự hội nghị quốc tế, tài trợ 50 triệu đồng cho dự án khởi nghiệp, và cơ hội học một kỳ tại nước ngoài dành cho 100% sinh viên được kỳ vọng sẽ tạo động lực gia tăng số lượng tuyển sinh của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh người học giữa các trường diễn ra gay gắt. Theo đó, KBSV dự phóng doanh thu mảng giáo dục và đầu tư của FPT trong 2026/2027 còn 6,016/6,127 tỷ VND (-1.9%/+1.9% YoY), để phản ánh việc giảm học phí đáng kể sẽ được bù đắp phần nào bởi số lượng học sinh được gia tăng.

**Biểu đồ 6. Chi tiêu tuyển sinh và điểm chuẩn của ngành CNTT tại một số trường đại học toàn quốc, 2019-2025**



Nguồn: KBSV

**Biểu đồ 7. Tăng trưởng chi tiêu tuyển sinh ngành CNTT của FPT với các trường có cùng mức điểm chuẩn**

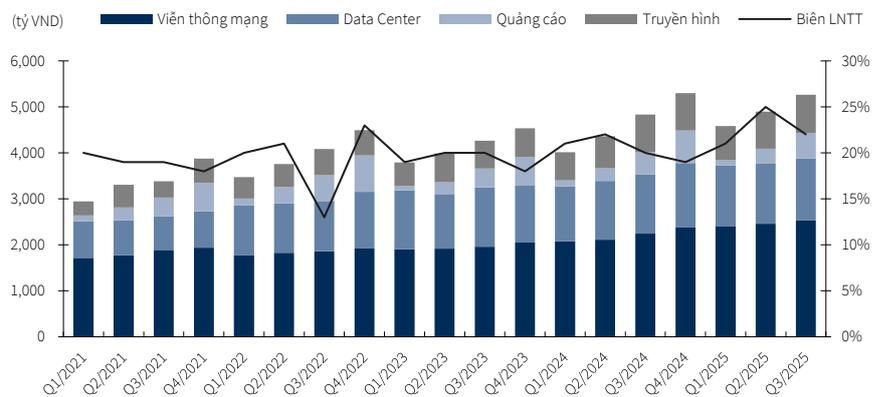


Nguồn: KBSV

**Mảng Viễn thông: Broadband tăng trưởng tích cực, Data center & PayTV có nhiều tiềm năng dài hạn**

Trong tháng 3/2026, thị trường Internet cố định Việt Nam chứng kiến đợt điều chỉnh tăng giá đồng loạt từ ba nhà mạng lớn là FPT Telecom, Viettel và VNPT. Cụ thể, FPT Telecom và Viettel đã nâng mức cước tháng tối thiểu cho gói Internet phổ thông (tốc độ 300 Mbps) từ 180,000 đồng lên 195,000 đồng/tháng, trong khi VNPT áp dụng mức 190,000 đồng/tháng. Nguyên nhân chính đến từ hai áp lực lớn: chi phí đầu vào tăng cao do giá chip nhớ tăng khoảng 50-60% khiến chi phí sản xuất modem/router đội lên đáng kể, và nhu cầu tái đầu tư nâng cấp hạ tầng lên công nghệ XGSPON (băng thông 10 Gbps) cũng như phát triển các tuyến cáp quang biển và đất liền mới. KBSV đánh giá việc tăng giá cước dịch vụ mạng là phù hợp để các doanh nghiệp duy trì biên lợi nhuận trong bối cảnh chi phí đầu vào tăng cao và yêu cầu nâng cấp hạ tầng truyền tải viễn thông đến từ người dùng, qua đó củng cố vai trò trụ cột tăng trưởng của mảng broadband trong doanh thu viễn thông. Ở các mảng còn lại, việc FPT Telecom chính thức sở hữu bản quyền Giải ngoại hạng Anh (EPL) từ đầu năm 2026 và các website bóng đá lậu lớn bị hạn chế phát sóng, cùng với Trung tâm dữ liệu Q9 đi vào hoạt động sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào tăng trưởng doanh thu mảng viễn thông của FPT, ước đạt doanh thu 21,530/23,567 tỷ VND trong 2026/2027 (+10.3%/9.5% YoY).

**Biểu đồ 8. Ước tính doanh thu của mảng Viễn thông theo lĩnh vực**



Nguồn: KBSV ước tính từ báo cáo tài chính hợp nhất và công ty mẹ

## DỰ PHÓNG KQKD VÀ ĐỊNH GIÁ

**Bảng 9. Dự phóng Kết quả kinh doanh**

(tỷ VNĐ)	2025	2026F	+/-%YoY	2027F	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	70,208	79,038	13%	90,262	14%	
CNTT Nước ngoài	35,381	41,287	17%	49,116	19%	
Nhật Bản	15,452	19,464	26%	25,461	31%	
Mỹ	8,163	8,979	10%	9,877	10%	
EU	3,593	4,671	30%	5,605	20%	
APAC	8,173	8,173	0%	8,173	0%	
CNTT Trong nước	9,093	10,002	10%	11,003	10%	
Viễn thông	19,521	21,731	11%	24,012	10%	
Giáo dục & Đầu tư	6,132	6,016	-2%	6,128	2%	
Lợi nhuận gộp	25,895	28,798	11%	32,908	14%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	36.9%	36.4%	-1 ppts	36.5%	0 ppts	
Thu nhập tài chính	2,977	3,508	18%	3,739	7%	
Chi phí tài chính	1,672	1,497	-10%	1,422	-5%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	658	788	20%	963	22%	
SG&A	14,912	16,811	13%	19,198	14%	
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	10,983	11,987	9%	13,710	14%	
Thu nhập khác	-51	0	-100%	0	0%	
Lợi nhuận trước thuế	13,039	15,021	15%	17,225	15%	
Lợi nhuận sau thuế	11,226	12,950	15%	14,695	13%	
LNST công ty mẹ	9,369	10,813	15%	12,270	13%	
<i>Biên LNST</i>	16%	16%	0 ppts	16%	0 ppts	

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

### Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 109,200 VND/cổ phiếu

Tốc độ phát triển nhanh chóng của các ứng dụng AI có khả năng thay thế con người trong việc phát triển phần mềm đã kéo lùi kỳ vọng tăng trưởng của các công ty cung cấp dịch vụ IT, đặc biệt là các công ty phụ thuộc vào lợi thế nhân công rẻ như FPT, khiến cho diễn biến giá cổ phiếu liên tục điều chỉnh kể từ đầu năm 2026. Tuy phải đối mặt với bối cảnh kém khả quan hơn của ngành, chúng tôi cho rằng mức định giá hiện tại của FPT, khoảng 15.2 lần cho P/E forward (thấp hơn đáng kể mức -1 độ lệch chuẩn trung bình 5 năm: 17x) là hấp dẫn cho công ty có vị thế đứng đầu Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ và có khả năng duy trì tăng trưởng LNST 13-15% trong vòng 2-3 năm tới.

Chúng tôi sử dụng 2 phương pháp định giá là chiết khấu dòng tiền (DCF) và bội số P/E, tỷ lệ là 50:50. Theo đó, mức giá chúng tôi đưa ra cho cổ phiếu FPT là 109,200 VND/cổ phiếu, cao hơn 42% so với giá đóng cửa ngày 13/03/2026.

**Bảng 10. Định giá FCFF**

(Tỷ VND)	Phương pháp	Giá trị của FPT
Giá trị tích lũy		47,057
Giá trị dòng tiền vĩnh viễn	EV/EBITDA 9x	131,816
<b>Tổng giá trị</b>		<b>178,873</b>
(+) Tiền & Đầu tư ngắn hạn		36,979
(-) Vay nợ ròng		-19,588
(-) Lợi ích cổ đông thiểu số		-7,040
<b>Giá trị VCSH</b>		<b>189,224</b>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu CP)		1,704
<b>Giá trị cổ phiếu</b>		<b>111,100</b>

Nguồn: KBSV

**Bảng 11. Định giá P/E**

(Tỷ VND)	P/E	Giá trị của FPT
Mảng CNTT	20	69,096
Mảng Viễn thông	15	17,074
Mảng Giáo dục và đầu tư	17	21,050
<b>Giá mục tiêu</b>		<b>107,300</b>

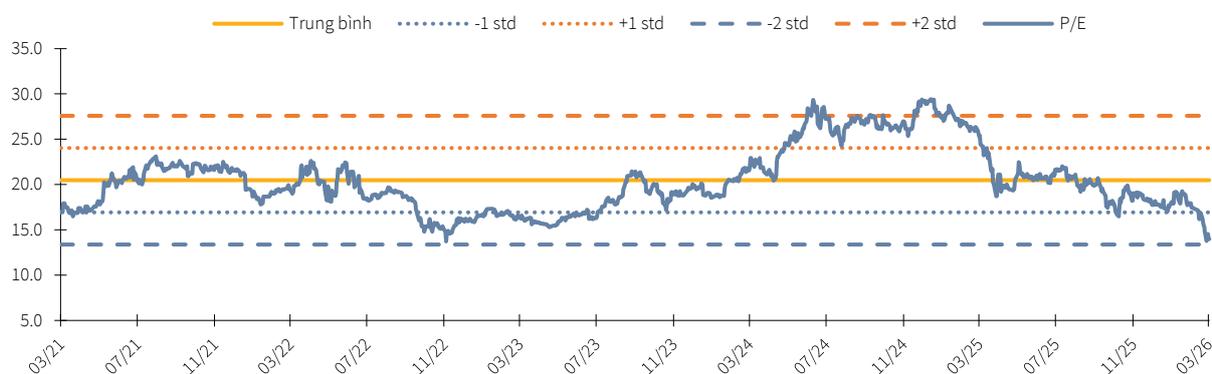
Nguồn: KBSV

**Bảng 12. Tổng hợp định giá**

Phương pháp	Giá dự phóng (VND)	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng (VND)
FCFF	111,100	50%	55,550
P/E	107,300	50%	53,650
<b>Giá mục tiêu</b>			<b>109,200</b>
Giá hiện tại (13/03/2026)			77,000
<b>Upside</b>			<b>41.8%</b>

Nguồn: KBSV

**Biểu đồ 13. Diễn biến P/E của FPT**



Nguồn: Bloomberg, KBSV

**CTCP FPT (FPT) – Bảng tóm tắt KQKD & Dự phóng 2024A-2027F**

<b>Báo cáo Kết quả HKKD</b>					<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
(Tỷ VND)	2024	2025	2026F	2027F	(Tỷ VND)	2024	2025	2026F	2027F
<b>(Báo cáo chuẩn)</b>					<b>(Báo cáo chuẩn)</b>				
Doanh số thuần	62,849	70,113	79,038	90,262	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	72,013	88,090	95,966	108,019
Giá vốn hàng bán	-39,049	-44,217	-50,240	-57,354	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	45,475	58,103	61,501	68,250
Lãi gộp	23,800	25,895	28,798	32,908	Tiền và tương đương tiền	9,315	10,540	10,728	16,809
Thu nhập tài chính	1,929	2,977	3,508	3,739	Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	21,785	29,613	30,695	28,709
Chi phí tài chính	-1,812	-1,672	-1,497	-1,422	Các khoản phải thu	11,380	14,401	16,234	18,539
Trong đó: Chi phí lãi vay	-552	-810	-1,497	-1,422	Hàng tồn kho, ròng	1,836	2,167	2,462	2,811
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	394	658	788	963	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	26,538	29,987	34,465	39,769
Chi phí bán hàng	-6,205	-7,581	-8,544	-9,757	Phải thu dài hạn	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-7,079	-7,331	-8,267	-9,441	Tài sản cố định	12,800	15,386	18,770	22,979
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	11,027	12,946	14,786	16,990	Tài sản dở dang dài hạn	2,560	1,605	1,500	1,500
Thu nhập khác	45	92	92	92	Đầu tư dài hạn	3,319	4,738	5,833	6,928
Chi phí khác	-148	-143	-143	-143	Lợi thế thương mại	1,097	1,097	1,097	1,097
Thu nhập khác, ròng	193	235	235	235	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	36,217	44,338	44,563	47,217
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	1	1	1	1	Nợ ngắn hạn	35,797	42,570	44,699	47,352
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	11,220	13,181	15,021	17,225	Phải trả người bán	20,334	22,383	25,432	29,033
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-1,813	-2,092	-2,374	-2,724	Người mua trả tiền trước	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	9,420	11,226	12,950	14,695	Vay ngắn hạn	14,446	19,170	18,250	17,302
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1,571	1,856	2,137	2,425	Nợ dài hạn	1,436	2,786	882	882
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	7,849	9,369	10,813	12,270	Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
					Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
<b>Chỉ số hoạt động</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>	<b>2026F</b>	<b>2027F</b>	Doanh thu chưa thực hiện	935	882	882	882
Tỷ suất lợi nhuận gộp	37.9%	36.9%	36.4%	36.5%	Vay dài hạn	501	1,904	0	0
Tỷ suất EBITDA	20.8%	19.8%	18.2%	17.9%	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	35,797	43,751	51,404	60,803
Tỷ suất EBIT	16.7%	15.7%	15.2%	15.2%	Vốn góp	14,711	17,035	17,035	17,035
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	17.6%	18.6%	19.0%	19.1%	Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
Tỷ suất lãi hoạt động KD	17.5%	18.5%	18.7%	18.8%	Lãi chưa phân phối	11,024	14,324	20,122	27,664
Tỷ suất lợi nhuận thuần	15.0%	16.0%	16.4%	16.3%	Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	4,128	5,127	5,126	5,126
					Lợi ích cổ đông không kiểm soát	5,934	7,265	9,121	10,978
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>	<b>2026F</b>	<b>2027F</b>	<b>Chỉ số chính</b>				
(Tỷ VND)					(x, %, VND)				
Lãi trước thuế	11,071	13,039	15,042	17,070	<b>Chỉ số định giá</b>				
Khấu hao TSCĐ	2,560	2,900	2,422	2,422	P/E	20.5	19.9	17.2	15.2
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-1,720	-2,576	-4,603	-4,834	P/E pha loãng	20.5	19.9	17.2	15.2
Chi phí lãi vay	552	810	1,497	1,422	P/B	4.5	4.3	3.6	3.1
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	13,599	14,775	14,358	16,080	P/S	2.6	2.7	2.4	2.1
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-1,892	-2,814	-1,833	-2,305	P/Tangible Book	4.5	4.3	3.6	3.1
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	-244	-308	-295	-349	P/Cash Flow	12.7	18.3	15.9	14.1
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	3,930	2,571	3,049	3,601	Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	11.5	12.6	11.9	10.5
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	-418	-595	0	0	Giá trị doanh nghiệp/EBIT	14.3	15.9	14.4	12.3
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuế và khác	-2,270	-3,266	-3,573	-3,780					
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	12,689	10,189	11,689	13,231	<b>Hiệu quả quản lý</b>				
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-4,261	-5,151	-5,807	-6,631	ROE%	26	26	25	24
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	14	7	0	0	ROA%	13	13	13	14
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-42,720	-44,875	-38,129	-35,061	ROIC%	25	20	20	22
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	37,047	37,047	37,047	37,047	<b>Cấu trúc tài chính</b>				
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	-1,173	0	0	0	Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.9	0.9	0.9	1.0
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	48	48	48	48	Tỷ suất thanh toán nhanh	1.2	1.3	1.3	1.4
Cố tức và tiền lãi nhận được	1,597	2,001	3,508	3,739	Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.3	1.4	1.4	1.4
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-9,447	-11,660	-3,381	-906	Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0.0	0.0	0.0	0.0
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	163	1,196	0	0	Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.0	0.0	0.0
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0	Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	0.4	0.4	0.4	0.3
Tiền thu được các khoản đi vay	31,903	31,903	31,903	31,903	Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.2	0.2	0.2	0.2
Tiền trả các khoản đi vay	-30,970	-25,723	-34,727	-32,850	Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	1.0	1.0	0.9	0.8
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	-2	0	0	0	Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.5	0.5	0.5	0.4
Cố tức đã trả	-3,292	-4,574	-5,296	-5,296	Tổng công nợ/Vốn CSH	1.0	1.0	0.9	0.8
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0	Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.5	0.5	0.5	0.4
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-2,198	2,801	-8,120	-6,243	<b>Chỉ số hoạt động</b>				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1,044	1,330	188	6,082	Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	6.0	5.5	5.7	4.8
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	8,279	9,315	10,645	10,833	Hệ số quay vòng HTK	21.3	20.4	20.4	20.4
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	9,315	10,645	10,833	16,915	Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	3.8	3.6	3.7	3.7

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

**CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)**

---

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 1&2, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Phường Ba Đình, TP Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Vietinbank, số 93 - 95 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**

Hotline: 1900 1711

Email: info@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

**Hệ thống khuyến nghị**

---

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**

(Dựa trên kỳ vọng tăng giá trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành**

(Dựa trên đánh giá triển vọng trong 6 tháng tới)

Tích cực:	Trung lập:	Tiêu cực:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.